

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP
CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2025/HS-PT
Ngày: 15- 4 -2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Đức

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Cường
Ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2025/TLPT-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Đ về tội “Trộm cắp tài sản”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Đ; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 24 tháng 11 năm 1981 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường X, quận N, thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Làm nông; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn V và bà Lê Thị T; Bị cáo có vợ chị Bùi Thị Minh H (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2007.

Tiền sự, Không. Tiền án, bị cáo có 01 tiền án, tại bản án số 414/2014/HSST, ngày 19/9/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 14 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 24/3/2023 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích.

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 01 năm 2024, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo **Nguyễn Thị Vân A** nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3/2023, **Nguyễn Ngọc Đ** chấp hành xong hình phạt tù nhưng không có công việc ổn định. Khoảng tháng 6/2023, **Đ** quen biết với chị **Trần Thị Mỹ C** (sinh năm 1983, nơi cư trú **Buôn Ea M'droh, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**). Đến khoảng tháng 10/2023, **Đ** đến tỉnh Đắk Lắk, gặp chị **C** và sinh sống tại **huyện C**. Quá trình sinh sống do thu nhập không ổn định nên **Đ** nảy sinh ý định trộm cắp tài sản ở các tiệm **V** - Bạc trên địa bàn **thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**. Sau thời gian tìm hiểu đặc điểm các tiệm vàng thì **Đ** nhận thấy **tiệm V2** của vợ chồng ông **Võ Văn V1** (sinh năm 1970) và bà **Đoàn Thị Thanh N** (sinh năm 1973) tại địa chỉ **số A, tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C** có nhiều sơ hở. Để thực hiện được việc trộm cắp tài sản, **Đ** đến **tiệm V2** để mua 01 sợi dây chuyền bằng Bạc trị giá 200.000 đồng mục đích để quan sát, nhân lúc chủ tiệm sơ hở **Đ** lấy 01 chùm chìa khóa rồi đi đến **chợ thị trấn Q** làm 01 chùm chìa khóa giống với bản gốc. Sau khi làm xong chìa khóa **Đ** quay lại **tiệm V2** - **N** nói đổi lại sợi dây bạc khác, nhằm mục đích để chùm chìa khóa đã lấy trộm trước đó vào vị trí ban đầu tránh chủ nhà phát hiện.

Sáng ngày 08/12/2023, **Đ** mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 47H1-175.24 của chị **Trần Thị Mỹ C** đi đến **thị trấn E**, chờ cơ hội để thực hiện hành vi. Đến khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày **Đ** thấy **tiệm V2** đóng cửa, tắt điện nên điều khiển xe mô tô đến trước tiệm vàng, dùng chùm chìa khóa cắt trước đó mở 02 ổ khóa để vào bên trong cửa hàng. Điềm dùng 01 ổ khóa đập bể tủ kính lấy vàng, bạc cho vào túi ni lông đã chuẩn bị sẵn từ trước rồi bỏ trốn khỏi hiện trường về lại nhà chị **C** ngủ.

Sáng ngày 09/12/2023, **Đ** đón xe về nhà bố mẹ tại **thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình**. Trưa ngày 10/12/2023, **Đ** bán 03 còng đeo tay, 03 kiềng cổ bằng vàng tại tiệm vàng “Lữ Hưởng”, địa chỉ **Tổ D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình** được 66.326.000đ; bán 02 còng đeo tay bằng vàng tại tiệm vàng “Hoàn T1”, cơ sở 2 tại **Thôn C, xã Đ, huyện Đ** được 20.800.000 đồng. Khi mua bán vàng thì các chủ tiệm vàng chuyển vào tài khoản **ngân hàng B** số 4711925507 mang tên **Nguyễn Thị Vân A** do **Đ** sử dụng tổng số tiền 50.000.000 đồng và đưa tiền mặt 37.126.000đ. Số tiền trong tài khoản, **Đ** chuyển cho **Trần Thị Mỹ C** 20.000.000đ để trả nợ tiền vay trước đó. Cùng ngày, **Đ** đưa cho **Nguyễn Đức T2** (sinh năm 1991 là chồng của **Nguyễn Thị Vân A**) 01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai và 01 lắc tay bằng vàng Điềm nói cho vợ chồng làm quà cưới, sau đó **T2** về đưa lại cho **Vân A**. Ngày 11/12/2023, **Đ** đến nhà **Vân A** đưa cho **Vân A** 01 sợi dây chuyền, 01 mặt dây chuyền, 01 đôi bông tai và 01 kiềng cổ bằng vàng Điềm nói **Vân A** cất, giữ để sau này bán lo cho bố mẹ.

Điềm cho em trai là **Nguyễn Thanh Đ1** (sinh năm 1984) một túi quần áo, bên trong cất giấu một gói gồm 01 bộ lắc tay (07 cái), 02 lắc tay, 07 dây chuyền, 01

cồng đeo tay, 01 nhẫn, 03 đôi bông tai bằng vàng. Số tài sản trộm cắp được còn lại, Đ bỏ vào túi nilong rồi đào hố chôn trong vườn nhà bố mẹ của bị cáo Đ.

Ngày 11/12/2023, Đ đón xe ra Thành phố Hà Nội mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 ProMax, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8210 và một số sim “rác” để sử dụng. Sau đó, Đ liên lạc với cháu là Trần Minh Q (sinh năm 2009, trú tại tổ dân phố số C, phường X, quận N, thành phố Hà Nội) nhờ đưa cho con gái Đ là Nguyễn Bùi Thái H1 (sinh năm 2007, trú tại tổ dân phố số C, phường X, quận N) một hộp quà, bên trong có 07 lắc tay, 01 đôi bông tai, 04 vòng tay và 03 dây chuyền bằng vàng. Cùng ngày, anh Nguyễn Văn Đ2 (sinh năm 1987, nơi cư trú tổ B khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai là người cùng làm với Đ tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) gọi điện cho Đ hỏi “ông làm gì mà để Công an tìm” thì Đ biết Công an đã nghi ngờ Đ trộm cắp tài sản nên đón xe vào tỉnh Đồng Nai, rồi thuê trọ tại Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để lẩn trốn.

Ngày 13/12/2023, Nguyễn Văn Đ2 gọi điện cho Vân A thông báo việc Công an Đ, nghi ngờ Đ vi phạm pháp luật tại Đắk Lắk rồi bỏ trốn, Đ2 không liên lạc được với Đ nên gọi điện hỏi Vân A. Sau đó, Vân A cũng không liên lạc được với Đ và gọi điện, nhắn tin cho Đ2 vào các ngày 18/12/2023, 19/12/2023, 04/01/2024 để hỏi thăm tình hình thì Đ2 nói nghi ngờ Diễm có liên quan vụ trộm cắp tiệm vàng tại Đắk Lắk. Sau khi biết tài sản mà Đ cho trước đó mà mình đang cất giữ là tài sản do Diễm phạm tội mà có nhưng Vân A đã không trình báo, không giao nộp tài sản cho Cơ quan chức năng mà đến ngày 06/01/2024, Vân A gọi mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T3 đến nhà mang một phần số vàng Diễm cho và cất giữ trước đó đi bán tại Thành phố Hải Phòng được 51.200.000 đồng, sau đó Vân A sử dụng một phần số tiền bán vàng mua lại các trang sức khác và cất số tiền còn lại trong nhà.

Ngày 09/01/2024, do đã tiêu hết tiền nên Đ đón xe về tỉnh Thái Bình lấy thêm tài sản để bán. Đêm ngày 10/01/2024, đợi mọi người đi ngủ, Đ đi theo đường ruộng vào vườn nhà của bố mẹ Đ, đào số tài sản trộm cắp được lên lấy một ít và chôn lại vào vị trí cũ, sau đó ra thành phố T đón xe vào lại tỉnh Đồng Nai. Khi về tới phòng trọ thì Đ bị bắt giữ cùng tang vật của vụ án.

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường:**

Hiện trường nơi xảy ra là tại tiệm V2 địa chỉ số A tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình khám nghiệm đã chụp ảnh, mô tả dấu vết để lại trên hiện trường và thu giữ 06 dấu vân, 03 dấu giày, dép, 02 ổ khóa, 02 chìa khóa, 02 mảnh kính, 01 khay nhựa.

*** Kết quả giám định, định giá tài sản:**

- Ngày 05/02/2024, Công ty Cổ phần V3 chi nhánh B1, tỉnh Đắk Lắk, có kết quả giám định xác định số tang vật thu giữ được là kim loại vàng, bạc.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 786/KL-HĐĐG ngày 19/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Đắk Lắk kết luận: Trang sức vàng, bạc bị mất vào ngày 08/12/2023 (tài sản thu hồi được) có giá 1.017.863.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1343/KL-HĐĐG ngày 03/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Đắk Lắk kết luận: Trang sức vàng, bạc bị mất vào ngày 08/12/2023 (tài sản không thu hồi được) có giá 142.159.000 đồng.

*** Việc thu giữ, tạm giữ, xử lý đồ vật, tài liệu:**

Khám nghiệm hiện trường, thu giữ gồm: 01 ổ khóa màu đen, có chữ “HUY HOANG”; 01 ổ khóa màu đen, có chữ “VIET TIEP” và 02 chìa khóa kèm theo; 06 dấu vân; 03 dấu giày dép; 01 mảnh kính, kích thước (13x6,3)cm; 01 mảnh kính, kích thước (39,5x42,5)cm và 01 khay nhựa, kích thước (33x18x07)cm.

Bà **Đoàn Thị Thanh N** giao nộp gồm: 01 đầu thu Camera nhãn hiệu HIKVISION; Bảng kê tài sản bị mất; Các Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước.

Tạm giữ của **Nguyễn Ngọc Đ** gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, số Imei: 356732119400560, kèm sim điện thoại số 0878636909 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8210, số Imei 1: 359187903100727, Imei 2: 359187903600726, kèm sim điện thoại số 0916367626.

Khám xét khẩn cấp tại phòng trọ thuộc **tổ A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** là nơi lần trốn của **Nguyễn Ngọc Đ** thu giữ gồm: 14 dây chuyền vàng; 01 dây chuyền bạc; 09 lắc tay vàng; 13 còng tay vàng; 33 nhẫn vàng; 09 bông tai vàng. *(Quá trình niêm phong xác định có 15 dây chuyền vàng và 07 lắc tay vàng. Tuy nhiên, khi mở niêm phong để phục vụ giám định thì xác định có 02 lắc tay bị dính vào nhau, không phải là 01 sợi dây chuyền. Do đó, số lượng thực tế là 14 dây chuyền vàng và 09 lắc tay vàng).*

Nguyễn Ngọc Đ giao nộp gồm: Số tiền 15.700.000đ; 04 card bằng nhựa có thông tin của các sim số 0879293533, 0878636909, 0523889942 và 0523889045 (không có sim); 01 Giấy chứng minh nhân dân tên **Đỗ Văn T4**.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Nguyễn Thị Vân A** tại **thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình** thu giữ: 01 sợi dây chuyền vàng, 01 lắc tay vàng, 01 đôi bông tai vàng. Ngày 14/01/2024, **Nguyễn Thị Vân A** giao nộp số tiền 51.200.000đ.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của bà **Nguyễn Thị T3** tại **thôn A, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình**, thu giữ: 37 dây chuyền vàng, 27 dây chuyền bạc, 18 lắc tay vàng, 22 còng tay vàng, 96 nhẫn vàng, 40 bông tai vàng, 01 còng tay màu xanh (không xác định chất liệu).

Ngày 26/01/2024, **Nguyễn Thanh Đ1** giao nộp: 01 bộ (07 chiếc) còng tay vàng, 02 lắc tay vàng, 01 còng tay vàng, 07 dây chuyền vàng, 03 đôi bông tai vàng, 01 nhẫn vàng.

Ngày 25/01/2024, **Nguyễn Bùi Thái H1** giao nộp: 07 lắc tay vàng, 02 bông tai vàng, 04 còng tay vàng, 03 dây chuyền vàng.

Ngày 11/12/2023, **Trần Thị Mỹ C** giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda; số loại Wave S, số máy: JC52E4428640; số khung: RLHJC 521XCY285486; 01 biển số 47H1-175.24.

Ngày 11/12/2023, **Phan Thị D** giao nộp: 01 mũ bảo hiểm màu Xanh - Đen.

Ngày 08/12/2023, Công an thị trấn E, huyện C cung cấp dữ liệu Camera liên quan vụ án, chứa trong 01 thẻ nhớ MicroSD SanDisk dung lượng 32Gb.

Ngày 11/12/2023, Công an xã E, huyện C cung cấp 05 đoạn video ghi lại hình ảnh của Nguyễn Ngọc Đ vào ngày 08 - 09/12/2023 tại Buôn Ea M'roh, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk được lưu trữ trong 01 đĩa CD.

Ngày 18/12/2023, bà Bùi Thị L chủ tiệm vàng “Lữ Hường” và ông Phạm Trọng H2 chủ tiệm vàng “Hoàn T1” cung cấp dữ liệu Camera ghi nhận hình ảnh Nguyễn Ngọc Đ đến bán vàng vào ngày 10/12/2023 được lưu trữ trong 02 USB.

Ngày 14/01/2024, ông Nguyễn Ngọc M chủ tiệm vàng “Quang Thoại” cung cấp dữ liệu Camera ghi nhận hình ảnh bà Nguyễn Thị T3 đến bán vàng vào ngày 06/01/2024 được lưu trữ trong 01 đĩa CD.

Đối với số tiền bán vàng bị cáo Đ đã tiêu xài hết, cho N1, K, đặt cọc làm răng (nhưng không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể) nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không thu giữ được.

Đối với số vàng mà bị cáo Đ và bà T3 đã bán các tiệm vàng đã nung chảy và chế tác thành các sản phẩm khác không xác định được nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ không thu giữ được.

Ngày 02/5/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 986 trả lại cho bị hại bà Đoàn Thị Thanh N gồm: 01 (một) đầu thu camera nhãn hiệu HIKVISION (đã được niêm phong); Số tiền 66.900.000 đồng (gồm: 51.200.000 đồng do Nguyễn Thị Vân A giao nộp và 15.700.000 đồng do Nguyễn Ngọc Đ giao nộp); Các trang sức thu giữ trong quá trình điều tra, gồm 62 dây chuyền vàng, 28 dây chuyền bạc, 37 lắc đeo tay vàng, 01 bộ gồm 07 cái lắc tay vàng, 40 còng đeo vàng, 130 nhẫn vàng, 59 cái bông tai vàng và 01 còng tay màu xanh không rõ chất liệu.

Các dữ liệu camera, dấu vết đường vân được lưu trong hồ sơ vụ án. Trong vụ án này, đối với bà Nguyễn Thị T3 là người được bị cáo Nguyễn Thị Vân A nhờ mang số vàng đi bán tại thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, trước khi mang vàng đi bán bà T3 hỏi Vân A thì được Vân A trả lời là do Vân A nhặt được. Do đó, hành vi của bà T3 không đồng phạm với bị cáo Nguyễn Thị Vân A nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Đức T2, Nguyễn Thanh Đ1, Nguyễn Bùi Thái H1, Trần Minh Q là những người mà bị cáo Nguyễn Ngọc Đ cho tài sản trộm cắp và nhờ chuyển tài sản trộm cắp. Tuy nhiên, những người trên không biết tài sản của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ là do trộm cắp mà có, ngoài ra khi biết thông tin Nguyễn Ngọc Đ trộm cắp tài sản đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, không đề cập xử lý.

Đối với các chủ tiệm vàng đã mua bán vàng của các bị cáo, khi mua không biết được số vàng mua bán là do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập xử lý.

Đối với số tiền bán vàng bị cáo Đ đã tiêu xài hết, cho N1 và K, để đặt cọc làm rảnh (nhưng không xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể) nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không thu giữ được nên không xem xét giải quyết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/01/2024.

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Vân A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm xử mức án quá nặng và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm về giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc Đ có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo: Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk là đúng người, đúng tội, mức hình phạt là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Ngày 27 tháng 12 năm 2024, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung:

[2.1]. Về tội danh và điều khoản áp dụng: Căn cứ lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên toà phúc thẩm, đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 19 giờ 20 phút ngày 08/12/2023, bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** đã đột nhập vào **tiệm V2** địa chỉ **số A tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk**, dùng ổ khoá đập bể tủ kính lấy vàng, bạc rồi bỏ trốn về quê, tỉnh Thái Bình. Sau khi lấy được tài sản ngày 10/12 và 11/12/2023, bị cáo **Đ** đưa cho em gái là Bị cáo Nguyễn Thị Vân Anh tổng cộng 02 sợi dây chuyền, 02 đôi bông tai, 01 kiềng cổ, 01 lắc tay, 01 mặt dây chuyền đều bằng vàng. Sau khi biết tài sản trên là do bị cáo **Đ** phạm tội mà có nhưng bị cáo **Nguyễn Thị Vân A** vẫn không trình báo, giao nộp mà cất giấu để sử dụng. Tổng trị giá tài sản bị cáo **Đ** trộm cắp qua định giá là 1.160.022.375 đồng. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo **Nguyễn Thị Vân A** chứa chấp qua định giá là 68.359.840 đồng. Với hành vi trên, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** về tội “ Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất hành vi và kháng cáo của bị cáo:

Quyền sở hữu về tài sản luôn được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ khả năng và nhận thức hành vi của mình là sai trái và vi phạm pháp luật. Song vì lòng tham muốn có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của bị hại là ông **Võ Văn V1** và **Đoàn Thị Thanh N** để lấy trộm chìa khoá làm một chùm giống y hệt chò có cơ hội để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo đã từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/3/2023 chưa được xoá án tích nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng là tái phạm nguy hiểm. Bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bản án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo khi quyết định hình phạt, đồng thời đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, có bà ngoại là mẹ Việt Nam anh hùng. Từ đó, Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** 17 (mười bảy) năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên toà hôm nay, xét thấy không có thêm chứng cứ gì mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 141/2024/HS-ST ngày 13/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** 17 (mười bảy) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/01/2024.

3. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Ngọc Đ** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Huy Đức